

UBND TỈNH CÀ MAU
CÔNG TY TNHH MTV
LÂM NGHIỆP NGỌC HIỀN
MST: 2000503134

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05./PL

Tam Giang Tây, ngày 20 tháng 2 năm 2021

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/09/2015 của Chính phủ)

BIỂU SỐ 2

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tên Doanh nghiệp: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiền
Năm 2020

Bảng cân đối kế toán - Mẫu số B01-DN ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Báo cáo kết quả kinh doanh - Mẫu số B02-DN ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ - Mẫu số B03-DN ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Bản thuyết minh báo cáo tài chính - Mẫu số B09-DN ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Ý kiến kiểm toán: Đã được kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020



Trần Ngọc Chảo

**CÔNG TY TNHH MTV
LÂM NGHIỆP NGỌC HIỀN**

**Báo cáo tài chính đã kiểm toán
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020**



MỤC LỤC

Trang

01. Báo cáo của Chủ tịch Công ty	1 - 2
02. Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
03. Bảng cân đối kế toán	5 - 8
04. Báo cáo kết quả kinh doanh	9
05. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
06. Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 26

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỀN

ấp Tân Tạo A, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiền, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY

Chủ tịch Công ty hân hạnh đệ trình bản báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020.

1. Chủ tịch và Ban giám đốc công ty

Chủ tịch và Ban giám đốc Công ty đương nhiệm trong năm tài chính 2020 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
- Ông Trần Ngọc Thảo	Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty	01/03/2019	
- Ông Lưu Tấn Hùng	Phó Giám đốc	16/08/2019	

2. Kiểm soát viên

Kiểm soát viên Công ty đương nhiệm trong năm tài chính 2020 và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Võ Công Đoàn	Kiểm soát viên

3. Ngành nghề kinh doanh

Các ngành nghề kinh doanh trong năm của Công ty bao gồm:

- Trồng, quản lý, bảo vệ, phát triển rừng. Trồng rừng và chăm sóc rừng. Khai thác, chế biến lâm sản; Sản xuất và kinh doanh giống cây lâm nghiệp;
- Khai thác thủy sản nội địa, nuôi trồng thủy sản kết hợp trên lâm phần;
- Kinh doanh dịch vụ phục vụ sản xuất nông, lâm, thủy sản và các dịch vụ khác.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.

5. Đánh giá tình hình kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được trình bày trong báo cáo tài chính từ trang 5 đến trang 26.

6. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: Không có

7. Kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020 của Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;



CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỀN

ấp Tân Tạo A, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiền, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY

- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, vì vậy Công ty đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

9. Phê duyệt báo cáo tài chính

Chủ tịch công ty phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này đã được lập và phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chủ tịch công ty



Trần Ngọc Thảo

Chủ tịch công ty

Ngày 11 tháng 03 năm 2021



Số: 15/2021/BCKT/SV-CN1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Chủ tịch công ty, Ban Giám đốc**
Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Ngọc Hiền

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Ngọc Hiền ("Công ty"), được lập ngày 11 tháng 03 năm 2021, từ trang 5 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

VĂN PHÒNG CHI NHÁNH TP.HCM

366/7A Chu Văn An, Phường 12, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
Tel : (84-028) 3553 3730 - 3553 3731 * Fax : (84-028) 3553 3732
Email : saoviet1011@vnn.vn

VĂN PHÒNG CHI NHÁNH CẦN THƠ

Lô 66, Đường số 11, Khu dân cư công ty Cổ phần xây dựng TP.Cần Thơ,
P.Hưng Thạnh, Q.Cái Răng, TP.Cần Thơ
Tel : (0292) 3765 999 * Fax: (0292) 3765 766 * Email : svc-ct@vnn.vn

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Do đặc thù hoạt động của Công ty nên chúng tôi đã không thể tham gia quan sát kiểm kê chi phí trồng rừng dở dang tại ngày 31/12/2020 nên chúng tôi không có cơ sở để đưa ra ý kiến về tính trung thực và hợp lý của số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại thời điểm nêu trên.
- Như đã nêu tại điểm 2(f) mục V của Thuyết minh báo cáo tài chính, tổng số dư nợ phải thu khó đòi của Công ty tại ngày 31/12/2020 là 5.772.340.000 đồng. Trong đó, Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 197.938.583 đồng, số còn lại chưa trích lập dự phòng là 618.503.640 đồng. Điều này không phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và làm cho lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2020 tăng lên một khoản tương ứng.
- Công ty chưa được xếp loại doanh nghiệp năm 2020 nên việc phân phối lợi nhuận sau thuế của Công ty chỉ là tạm tính. Công ty sẽ điều chỉnh lại việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 ngay sau khi có kết quả xếp loại doanh nghiệp nên đến thời điểm phát hành bản báo cáo này chúng tôi không có cơ sở để đưa ra ý kiến về vấn đề này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn: "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Ngọc Hiến tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ngoài báo cáo này, chúng tôi có gửi kèm theo Thư quản lý số 15/2021/TQL/SV-CN1 ngày 11 tháng 03 năm 2021 để đề xuất một số vấn đề trong công tác quản lý của Công ty.



Nguyễn Quang Nhơn
Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0325-2018-107-1

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt

Cần Thơ, ngày 11 tháng 03 năm 2021

Trần Phương Yến
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3601-2021-107-1

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

Ấp Tân Tạo A, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		34.603.531.090	30.864.152.380
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	25.369.550.360	24.670.152.461
1. Tiền	111		6.869.550.360	2.670.152.461
2. Các khoản tương đương tiền	112		18.500.000.000	22.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.2	6.827.719.417	4.169.283.608
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		5.557.692.641	2.536.046.813
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		983.250.000	1.002.721.391
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		484.715.359	876.292.045
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(197.938.583)	(245.776.641)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.3	2.084.788.569	1.923.870.385
1. Hàng tồn kho	141		2.084.788.569	1.923.870.385
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.4	321.472.744	100.845.926
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		139.721.022	58.661.389
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		181.751.722	42.184.537
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

ấp Tân Tạo A, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B² - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.325.624.749	3.933.591.323
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220	V.5	2.969.860.569	3.163.096.609
1. Tài sản cố định hữu hình	221		2.969.860.569	3.163.096.609
<i>Nguyên giá</i>	222		9.367.209.702	10.625.307.669
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(6.397.349.133)	(7.462.211.060)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	15.664.300
Chi phí SX, KD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	15.664.300
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.355.764.180	754.830.414
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	1.355.764.180	754.830.414
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		38.929.155.839	34.797.743.703

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỀN

Ấp Tân Tạo A, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		5.758.636.433	1.866.467.344
I. Nợ ngắn hạn	310		5.758.636.433	1.866.467.344
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.7	1.128.258.000	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		250	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8	142.240.564	184.314.180
4. Phải trả người lao động	314		213.220.893	202.718.792
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.9	1.928.777.121	172.527.900
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	1.167.019.620	82.028.930
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.179.119.985	1.224.877.542
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

Ấp Tân Tạo A, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		33.170.519.406	32.931.276.359
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.11	32.744.383.078	32.344.331.436
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	29.865.761.011
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.686.889.078	2.421.076.425
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- LNST chưa phân phối cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		57.494.000	57.494.000
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		426.136.328	586.944.923
1. Nguồn kinh phí	431	V.12	266.177.216	426.985.811
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	V.13	159.959.112	159.959.112
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		38.929.155.839	34.797.743.703



Nguyễn Cảnh Nguyên
Người lập biểu



Đinh Văn Điền
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Thảo

Giám đốc

Lập ngày 11 tháng 03 năm 2021

CHỈ ĐĂNG KIỂM BAO TÍNH

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

ấp Tân Tạo A, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	45.862.174.373	31.400.902.968
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10		45.862.174.373	31.400.902.968
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	39.618.430.111	25.862.043.725
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20		6.243.744.262	5.538.859.243
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	773.735.790	1.087.640.077
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	5.468.506.932	5.268.169.009
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.548.973.120	1.358.330.311
11. Thu nhập khác	31	VI.5	10.503.000	44.081.670
12. Chi phí khác	32	VI.6	18.797.421	-
13. Lợi nhuận khác	40		(8.294.421)	44.081.670
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.540.678.699	1.402.411.981
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	207.173.227	31.487.382
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>1.333.505.472</u>	<u>1.370.924.599</u>


Nguyễn Cảnh Nguyên
 Người lập biểu


Đinh Văn Điền
 Kế toán trưởng


Trần Ngọc Thảo
 Giám đốc
 Lập ngày 11 tháng 03 năm 2021



CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

ấp Tân Tạo A, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		42.184.554.115	30.144.597.111
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(21.572.602.838)	(10.348.274.101)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(6.343.632.365)	(7.577.516.851)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(40.000.000)	(584.386.905)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		6.186.922.220	12.480.219.160
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(23.470.838.923)	(37.776.709.654)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.055.597.791)	(13.662.071.240)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(528.869.873)	(447.628.551)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		10.129.773	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(35.000.000.000)	(43.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		38.500.000.000	49.550.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		773.735.790	1.052.765.057
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.754.995.690	7.155.136.506

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

ấp Tân Tạo A, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		699.397.899	(6.506.934.734)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	24.670.152.461	31.177.087.195
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	25.369.550.360	24.670.152.461


Nguyễn Cảnh Nguyên
 Người lập biểu


Đinh Văn Điền
 Kế toán trưởng


Trần Ngọc Thảo
 Giám đốc
 Lập ngày 11 tháng 03 năm 2021



CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

ấp Tân Tạo A, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020

Đơn vị trình bày: VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Ngọc Hiển được chuyển đổi từ Lâm nghiệp Ngọc Hiển, theo quyết định số 308/QĐ-UBND do Chủ tịch Ủy Ban Nhân dân tỉnh Cà Mau ký ngày 23 tháng 02 năm 2010.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000503134 ngày 20 tháng 09 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 20 tháng 09 năm 2018 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Cà Mau cấp, vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000 đồng.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020 là: 30.000.000.000 đồng.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Khai thác, chế biến lâm sản

3. Ngành nghề kinh doanh

Các ngành nghề kinh doanh trong năm của Công ty bao gồm:

- Trồng, quản lý, bảo vệ, phát triển rừng. Trồng rừng và chăm sóc rừng. Khai thác, chế biến lâm sản; Sản xuất và kinh doanh giống cây lâm nghiệp;
- Khai thác thủy sản nội địa, nuôi trồng thủy sản kết hợp trên lâm phần;
- Kinh doanh dịch vụ phục vụ sản xuất nông, lâm, thủy sản và các dịch vụ khác.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.

6. Cấu trúc doanh nghiệp:

Thông tin về các công ty con và Công ty liên kết: không có

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc: không có

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến luồng tiền).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi nêu trên được kết chuyển vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính hiện hành.

Cuối niên độ kế toán, số dư của các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, nợ phải thu và phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân trên thị trường tiền tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố. Các khoản chênh lệch tỷ giá do việc đánh giá lại nêu trên được xử lý theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Tuy nhiên, cuối năm tài chính 2020, Công ty không có số dư của các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, nợ phải thu và phải trả có gốc ngoại tệ.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải thu ngắn hạn. Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải thu dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ phải thu.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020

Đơn vị trình bày: VND

lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Cuối niên độ kế toán, Công ty không có hàng tồn kho nào hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm cần lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí đã chi ra để nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định đó. Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được coi như khoản phí tổn và được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao một số tài sản cố định vượt khung thời gian sử dụng quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính. Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định như sau:

Loại TSCĐ

- Nhà cửa, vật kiến trúc
- Máy móc thiết bị
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn
- Thiết bị, dụng cụ quản lý

Thời gian khấu hao ước tính

- 6 - 20 năm
- 8 năm
- 5 - 10 năm
- 6 năm

6. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Theo quy định của Luật thuế, số liệu thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản sai biệt giữa số thuế theo quyết toán và khoản dự trừ thuế (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

Năm 2020, thu nhập từ trồng rừng (doanh thu bán lâm sản); nuôi trồng thủy sản (do Công ty tự nuôi, hoạt động liên kết liên doanh của Công ty) là thu nhập miễn thuế thu nhập doanh nghiệp. Các khoản thu nhập từ cho thuê mặt bằng, thu nhập từ chứng nhận tôm sinh thái, thu nhập từ hoạt động tài chính, thu nhập khác là các khoản thu nhập chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% theo Công văn số 838/CT-TTHTNNT ngày 31/05/2018 của Cục thuế tỉnh Cà Mau.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều niên độ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả có thời hạn thanh toán trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả ngắn hạn. Các khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) sẽ được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay này sẽ chấm dứt khi tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc tài sản dở dang đã được bán.

Trong năm, không phát sinh các khoản chi phí đi vay nào được vốn hóa.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài Chính.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020

Đơn vị trình bày: VND

14. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp. Cuối kỳ kế toán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

15. Nguyên tắc xác định chi phí tiền lương

Tổng quỹ lương của Công ty năm 2020 được xác định theo quy định của Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính Phủ, Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội và Quyết định số 775/QĐ-UBND của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Cà Mau ngày 26/02/2021. Quỹ tiền lương của viên chức quản lý được trích lập căn cứ vào Nghị định 52/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính Phủ và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 và căn cứ vào Quyết định số 354/QĐ-UBND của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Cà Mau ngày 26/02/2021.

16. Số dư đầu năm

Số dư đầu năm căn cứ vào Báo cáo tài chính năm trước của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty Kiểm toán Sao Việt tại Cần Thơ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	623.272.276	331.660.546
Tiền gửi ngân hàng	6.246.278.084 (a)	2.338.491.915
Các khoản tương đương tiền	18.500.000.000 (b)	22.000.000.000
Cộng	25.369.550.360	24.670.152.461

(a) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Cà Mau	1.000.033	1.276.663
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng VN - CN Cà Mau	1.009.761	1.007.353
- Ngân hàng TMCP PT Tp.HCM (HD Bank)	1.399.144	1.659.826
- Ngân hàng Vietinbank - CN Cà Mau	1.492.517	1.319.278
- Ngân hàng TMCP Kiên Long - CN Cà Mau	1.728.503	1.771.292
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Cà Mau	15.337.780	1.399.338
- Ngân hàng TMCP Đông Á - CN Cà Mau	15.532.825	566.149.839
- Ngân hàng NN & PTNT - CN Cà Mau	150.344.927	150.307.727
- Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Cà Mau	988.842.727	1.612.472.137
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Cà Mau	5.069.589.867	1.128.462
Cộng	6.246.278.084	2.338.491.915

(b) Chi tiết số dư các khoản tương đương tiền như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi VND có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại	18.500.000.000	22.000.000.000
Cộng	18.500.000.000	22.000.000.000

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

Ấp Tân Tạo A, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020

Đơn vị trình bày: VND

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.557.692.641 (c)	2.536.046.813
Trả trước cho người bán ngắn hạn	983.250.000 (d)	1.002.721.391
Phải thu ngắn hạn khác	484.715.359 (e)	876.292.045
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(197.938.583) (f)	(245.776.641)
Cộng	6.827.719.417	4.169.283.608

(c) Chi tiết số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty CP CBTS&XNK Camimex	974.149.200	1.577.244.600
- Công ty TNHH TM & DV Toàn Thịnh - (Ông Nguyễn Thanh Bình)	494.690.046	758.500.046
- Công ty TNHH MTV Trần Thường - (Ông Nguyễn Văn Sửu)	502.246.697	-
- Công ty TNHH Xây Dựng Phúc Khiêm	159.153.870	-
- Cty TNHH Mua Bán Lâm Sản Yển Vy	2.592.126.375	-
- Ông Nguyễn Tấn Vĩnh	94.000.000	94.000.000
- Ông Nguyễn Văn Hùng	27.350.000	10.675.000
- Ông Lưu Tấn Lực	-	31.866.667
- Ông Nguyễn Văn Thống	-	30.000.000
- Ông Trần Văn Nguyên	18.000.000	21.802.500
- Các khách hàng khác	21.000.000	11.958.000
Cộng	5.557.692.641	2.536.046.813

(d) Chi tiết số dư trả trước cho người bán ngắn hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn	983.250.000	1.002.721.391
- Ông Lê Văn Trường	550.000.000	550.000.000
- Ông Trần Ngọc Bé	90.000.000	90.000.000
- Trung Tâm Thông tin TM & MT Cà Mau	63.000.000	63.000.000
- Công ty TNHH XDTM & DV Nam Hà	107.000.000	107.000.000
- TT Kỹ thuật - CN - Quan trắc TN Môi Trường	77.250.000	77.250.000
- Ông Phạm Thanh Bình	15.000.000	30.971.391
- Công ty CPTV & Thẩm Định Đông Nam	48.000.000	48.000.000
- Các nhà cung cấp khác	33.000.000	36.500.000
Cộng	983.250.000	1.002.721.391

(e) Chi tiết số dư các khoản phải thu ngắn hạn khác như sau:

- Tạm ứng	346.282.000	331.832.098
- Các khoản ký quỹ, ký cược	28.786.000	28.786.000
- Phải thu khác	109.647.359	515.673.947
* Ông Lưu Tấn Lực	-	469.263.000
* Ông Phạm Công Thức	13.330.000	13.330.000
* Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng	13.897.259	33.080.947
* Phải thu của các cá nhân khác	82.420.100	-
Cộng	484.715.359	876.292.045

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

ấp Tân Tạo A, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020

Đơn vị trình bày: VND

(f) Chi tiết số dư nợ xấu và dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số dự phòng
- Nợ quá hạn đến 180 ngày	4.301.966.354	0%	-
- Nợ quá hạn từ 180 đến 360 ngày	366.444.000	30%	-
* Công ty CPTS & XNK Camimex	366.444.000		-
- Nợ quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	649.703.646	50%	-
* Công ty CPTS & XNK Camimex	155.013.600	50%	-
* Ông Nguyễn Thanh Bình	494.690.046	50%	-
- Nợ quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	241.896.000	70%	-
* Công ty CPTS & XNK Camimex	241.896.000	70%	-
- Nợ quá hạn trên 3 năm	212.330.000	100%	197.938.583
* Ông Nguyễn Tấn Vĩnh	94.000.000	100%	94.000.000
* Ông Trần Ngọc Bé	90.000.000	100%	90.000.000
* Ông Phạm Thanh Bình	15.000.000	4%	608.583
* Ông Phạm Công Thúc	13.330.000	100%	13.330.000
Cộng	5.772.340.000		197.938.583

Nợ khó đòi nêu trên chưa được trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài Chính.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	245.776.641	1.103.608.298
- Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
- Hoàn nhập dự phòng	(47.838.058)	(857.831.657)
- Số cuối năm	197.938.583	245.776.641

3. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.057.488.781 (g)	1.817.598.385
Thành phẩm	27.299.788	106.272.000
Cộng	2.084.788.569	1.923.870.385

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: Không có
- Nguyên nhân và hướng xử lý đối với hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất: không có
- Giá trị ghi sổ hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm cho các khoản nợ phải trả: không có
- Lý do dẫn đến việc trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có.

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

ấp Tân Tạo A, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020

Đơn vị trình bày: VND

(g) Chi tiết số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí thiết kế, khai thác rừng khu vực 184	42.750.486	201.789.972
- Chi phí thiết kế, khai thác rừng khu vực Ngọc Hiển	93.319.092	84.888.832
- Chi phí chăm sóc rừng trồng khu vực Ngọc Hiển	9.643.830	9.643.830
- Chi phí chăm sóc rừng trồng	711.513.117	596.948.595
- Chi phí trồng rừng sau khai thác năm 2018	292.414.136	269.659.656
- Chi phí trồng rừng sau khai thác năm 2019	362.571.990	342.281.310
- Chi phí trồng rừng sau khai thác năm 2020	409.238.130	-
- Chi phí dự án 161 quốc doanh	20.838.000	-
- Chi phí hầm than đước	115.200.000	199.600.000
- Chi phí sản xuất kinh doanh thủy sản - vuông tôm	-	112.786.190
Cộng	2.057.488.781	1.817.598.385

4. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn	139.721.022 (h)	58.661.389
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	181.751.722 V.8	42.184.537
Cộng	321.472.744	100.845.926

(h) Chi tiết số dư chi phí trả trước như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	139.721.022	58.661.389
Cộng	139.721.022	58.661.389

5. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Loại tài sản	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá	10.625.307.669	510.080.217	1.768.178.184	9.367.209.702
- Nhà cửa, vật kiến trúc	7.524.718.887	510.080.217	1.464.999.184	6.569.799.920
- PT vận tải, TB truyền dẫn	1.375.710.818	-	189.061.000	1.186.649.818
- Thiết bị quản lý	104.153.637	-	-	104.153.637
- Tài sản cố định khác	1.620.724.327	-	114.118.000	1.506.606.327
Hao mòn lũy kế	7.462.211.060	691.876.507	1.756.738.434	6.397.349.133
- Nhà cửa, vật kiến trúc	5.735.888.127	389.786.969	1.453.559.434	4.672.115.662
- PT vận tải, TB truyền dẫn	648.810.835	125.032.475	189.061.000	584.782.310
- Thiết bị quản lý	95.138.491	9.015.146	-	104.153.637
- Tài sản cố định khác	982.373.607	168.041.917	114.118.000	1.036.297.524
Giá trị còn lại	3.163.096.609			2.969.860.569
- Nhà cửa, vật kiến trúc	1.788.830.760			1.897.684.258
- PT vận tải, TB truyền dẫn	726.899.983			601.867.508
- Thiết bị quản lý	9.015.146			-
- Tài sản cố định khác	638.350.720			470.308.803

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp các khoản vay: không có
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 3.323.067.336
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: Không có

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

ấp Tân Tạo A, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020

Đơn vị trình bày: VND

- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện: không có.
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không có.

Chi tiết nguyên giá tài sản cố định hữu hình tăng trong năm 2020 như sau:

	Số tiền
- Nhà cây gỗ địa phương tiểu khu 4	66.419.000
- Nhà tiền chế tiểu khu 164	65.219.745
- Nhà tiền chế tiểu khu 157	125.166.254
- Nhà tiền chế tiểu khu 130	77.252.754
- Cổng điều tiết nước ruộng khu bảo tồn - Đội sản xuất	35.416.100
	140.606.364
Cộng	510.080.217

Chi tiết nguyên giá tài sản cố định hữu hình giảm trong năm 2020 như sau:

	Số tiền
- Nhà cửa vật kiến trúc	1.464.999.184
- Phương tiện vận tải	189.061.000
- Tài sản cố định khác	114.118.000
Cộng	1.768.178.184

Chi tiết khấu hao tài sản cố định hữu hình tăng trong năm 2020 như sau:

	Số tiền
- Khấu hao vào chi phí sản xuất kinh doanh	691.876.507
Cộng	691.876.507

Chi tiết khấu hao tài sản cố định hữu hình giảm trong năm 2020 như sau:

	Số tiền
- Thanh lý, nhượng bán	1.756.738.434
Cộng	1.756.738.434

6. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn	1.355.764.180 (i)	754.830.414
Cộng	1.355.764.180	754.830.414

(i) Chi tiết số dư chi phí trả trước dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí thuê cải tạo ruộng tôm	656.012.047	234.801.612
- Chi phí công cụ, dụng cụ	355.583.831	520.028.802
- Chi phí trả trước khác	344.168.302	-
Cộng	1.355.764.180	754.830.414

7. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn	1.128.258.000	-
- Ông Nguyễn Văn Sử	147.438.000	-
- Ông Huỳnh Thanh Tâm	39.228.300	-
- Ông Huỳnh Hữu Trí	10.620.000	-
- Bà Nguyễn Ngọc Hiền	27.432.000	-
- Ông Lê Văn Hoàng	102.924.000	-

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

ấp Tân Tạo A, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020

Đơn vị trình bày: VND

- Ông Nguyễn Thanh Liêm	75.211.200	-
- Ông Hoàng Văn Thủ	202.068.000	-
- Ông Lê Hoàng Vũ	48.054.600	-
- Ông Nguyễn Văn Toa	22.795.200	-
- Ông Nguyễn Văn Thuận	39.564.000	-
- Ông Nguyễn Văn Đồng	51.384.600	-
- Ông Lê Minh Trí	12.465.900	-
- Ông Trần Thanh Hưng	66.686.400	-
- Ông Mạch Phát Vinh	75.186.900	-
- Ông Nguyễn Văn Thơ	17.223.300	-
- Ông Huỳnh Văn Trung	38.976.300	-
- Bà Trần Cẩm Nhung	54.751.500	-
- Ông Nguyễn Thanh Phương	40.895.100	-
- Ông Nguyễn Văn Bảy	29.233.800	-
- Ông Nguyễn Văn Nhỏ	26.118.000	-
- Ông Trần Văn Lành	900	-
Cộng	1.128.258.000	-

8. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

	01/01/2020		Số phát sinh trong năm		31/12/2020	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT	25.332.759	-	169.757.470	186.510.274	8.579.955	-
- Thuế TNDN	-	33.512.618	207.173.227	40.000.000	133.660.609	-
- Thuế TNCN	-	-	150.989.787	150.989.787	-	-
- Thuế môn bài	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
- Thuế tài nguyên	-	6.571.919	-	-	-	6.571.919
- Các loại thuế khác	-	2.100.000	-	-	-	2.100.000
- Phải nộp NSNN	158.981.421	-	155.803.466	487.864.690	-	173.079.803
Cộng	184.314.180	42.184.537	687.723.950	869.364.751	142.240.564	181.751.722

9. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Trích trước chi phí dọn vệ sinh rừng sau khai thác		112.527.900
- Chi phí vật tư, nhân công, ăn chia lâm sản	1.868.777.121	-
- Chi phí phải trả khác	60.000.000	60.000.000
Cộng	1.928.777.121	172.527.900

10. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	815.173.000	-
- Phải trả các nhà cung cấp khác	222.595.100	-
- Phải trả khác - thuế TNCN nộp hộ	129.251.520	82.028.930
Cộng	1.167.019.620	82.028.930

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỀN

ấp Tân Tạo A, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020

Đơn vị trình bày: VND

11. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm trước**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Nguồn vốn XDCB	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	29.865.761.011	2.259.090.103	57.494.000	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	1.370.924.599
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	411.277.380	-	(411.277.380)
Trích quỹ KT viên chức QL	-	-	-	(90.166.667)
Trích quỹ KT, phúc lợi	-	-	-	(710.940.131)
Nộp lợi nhuận về Ngân sách NN	-	-	-	(158.540.421)
Giảm khác	-	(249.291.058)	-	-
Số dư cuối năm trước	29.865.761.011	2.421.076.425	57.494.000	-

b. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm nay

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Nguồn vốn XDCB	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm nay	29.865.761.011	2.421.076.425	57.494.000	-
Tăng vốn trong năm nay	134.238.989	(134.238.989)	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	1.333.505.472
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	400.051.642	-	(400.051.642)
Trích quỹ KT viên chức QL	-	-	-	(94.000.000)
Trích quỹ KT, phúc lợi	-	-	-	(683.650.364)
Nộp lợi nhuận về Ngân sách NN	-	-	-	(155.803.466)
Số dư cuối năm nay	30.000.000.000	2.686.889.078	57.494.000	-

Chi tiết Quỹ đầu tư phát triển tăng trong năm tài chính này như sau:

	Số tiền
- Trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2020	400.051.642
Cộng	400.051.642

12. Nguồn kinh phí*Khoản mục*

	Năm nay
- Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	426.985.811
- Nguồn kinh phí tăng	848.443.363
- Nguồn kinh phí giảm	(1.009.251.958)
- Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	266.177.216

13. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định*Khoản mục*

	31/12/2020	01/01/2020
- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	159.959.112	159.959.112
- Cộng	159.959.112	159.959.112

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỀN

ấp Tân Tạo A, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020

Đơn vị trình bày: VND

14. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**a) Nợ khó đòi đã xử lý:**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nợ khó đòi của các cá nhân	406.773.133	406.773.133
Cộng	406.773.133	406.773.133

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2020	Năm 2019
- Doanh thu thành phẩm	43.486.630.876	29.526.909.415
+ Doanh thu khai thác cây rừng	42.585.444.930	28.703.650.315
+ Doanh thu vuông tôm quốc doanh	622.932.250	823.259.100
+ Doanh thu than được	278.253.696	-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	914.293.265	516.444.000
+ Doanh thu thương hiệu tôm sinh thái	271.058.670	516.444.000
+ Doanh thu chăm sóc nuôi dưỡng rừng	643.234.595	-
- Doanh thu hoạt động khác	1.461.250.232	1.357.549.553
+ Doanh thu khoán vuông	1.444.886.596	1.341.185.917
+ Doanh thu cho thuê mặt bằng	16.363.636	16.363.636
Cộng	45.862.174.373	31.400.902.968

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2020	Năm 2019
- Giá vốn thành phẩm	39.040.686.180 (&)	25.862.043.725
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	577.743.931	-
Cộng	39.618.430.111	25.862.043.725

(&) Giá vốn lâm sản này bao gồm chi phí thiết kế phương án khai thác rừng với số tiền là 1.809.151.402 đồng. Đây là chi phí thiết kế khai thác và trồng rừng do nhân viên kỹ thuật của Công ty thực hiện ngoài giờ.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
- Lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	773.735.790	1.087.640.077
Cộng	773.735.790	1.087.640.077

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020	Năm 2019
- Chi phí nhân viên quản lý	3.636.007.520	3.484.814.711
- Chi phí vật liệu quản lý	2.648.751	25.284.060
- Chi phí đồ dùng văn phòng	252.179.175	204.038.753
- Chi phí khấu hao TSCĐ	105.666.158	152.620.462
- Thuế, phí và lệ phí	431.243.138	514.958.105
- Chi phí dự phòng	(26.586.308)	56.970.750
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	414.966.847	443.503.489
- Chi phí bằng tiền khác	652.381.651	385.978.679
Cộng	5.468.506.932	5.268.169.009

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỀN

ấp Tân Tạo A, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020

Đơn vị trình bày: VND

5. Thu nhập khác

	Năm 2020	Năm 2019
- Thu bán hồ sơ đấu giá	8.003.000	-
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ	-	44.081.670
- Các khoản thu khác	2.500.000	-
Cộng	10.503.000	44.081.670

6. Chi phí khác

	Năm 2020	Năm 2019
- Lỗ thuần thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.309.977	-
+ <i>Thu từ thanh lý tài sản cố định</i>	(10.129.773)	-
+ <i>Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý</i>	11.439.750	-
- Chi nộp phạt thuế, truy nộp thuế, nộp phạt khác	17.487.444	-
Cộng	18.797.421	-

7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020	Năm 2019
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	502.242.404	502.242.404
- Chi phí nhân công	19.050.655.908	19.050.655.908
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	706.094.931	706.094.931
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.055.337.329	1.055.337.329
- Chi khác bằng tiền	2.256.628.160	2.258.067.929
Cộng	23.570.958.732	23.572.398.501

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020	Năm 2019
- Chi phí thuế TNDN tính trên TNDN chịu thuế năm hiện hành.	114.831.765	31.487.382
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí TNDN hiện hành năm nay	92.341.462	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	207.173.227	31.487.382

9. Thuế thu nhập doanh nghiệp và phân phối lợi nhuận

Số dư lợi nhuận chưa phân phối đầu năm (1)	-
Lợi nhuận trước thuế năm nay (2)	1.540.678.699
Điều chỉnh tăng lợi nhuận tính thuế TNDN (3)	52.957.319
- Chi phí không có hóa đơn, chứng từ theo chế độ quy định	35.469.875
- Các khoản phạt vi phạm chế độ quản lý Nhà nước	17.487.444
Điều chỉnh giảm lợi nhuận tính thuế TNDN (4)	-
Lợi nhuận chịu thuế năm nay (5)=(2)+(3)-(4)	1.593.636.018
- Lợi nhuận được miễn thuế TNDN	773.409.127
- Lợi nhuận chịu thuế TNDN 20%	820.226.891
Thuế TNDN	207.173.227
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (6)	207.173.227

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020

Đơn vị trình bày: VND

Tổng lợi nhuận sau thuế (7)=(1)+(2)-(6)**1.333.505.472**

- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	400.051.642
- Trích lập quỹ khen thưởng Ban điều hành	94.000.000
- Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	683.650.364
- Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ phải nộp NSNN	155.803.466

Số dư lợi nhuận chưa phân phối cuối năm

-

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có
2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có.
3. Thông tin về các bên liên quan: không có.

a) Các giao dịch với Ban lãnh đạo Công ty trong năm

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thưởng Ban Giám Đốc	923.000.000	873.166.667
Thù lao Ban kiểm soát	299.000.000	299.000.000

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm trước đã được kiểm toán.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.

6. Những thông tin khác

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	88,89%	88,70%
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	11,11%	11,30%
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	14,79%	5,36%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	85,21%	94,64%

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỀN

ấp Tân Tạo A, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020

Đơn vị trình bày: VND

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành	lần	6,76	18,64
2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	6,01	16,54
2.3 Khả năng thanh toán nhanh	lần	4,41	13,22
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất LN trước thuế trên doanh thu	%	3,36%	4,47%
- Tỷ suất LN sau thuế trên doanh thu	%	2,91%	4,37%
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất LN trước thuế trên tổng tài sản	%	3,96%	4,03%
- Tỷ suất LN sau thuế trên tổng tài sản	%	3,43%	3,94%
3.3 Tỷ suất LN sau thuế trên nguồn vốn CSH	%	4,07%	4,24%

**Nguyễn Cảnh Nguyên**
Người lập**Đinh Văn Điền**
Kế toán trưởng**Trần Ngọc Thảo**
Giám đốc

Lập ngày 11 tháng 03 năm 2021

